

Số: /BC-DVVLKH

Khánh Hòa, ngày tháng năm 2026

BÁO CÁO
Thị trường lao động Quý IV/2025
và dự báo nhu cầu lao động Quý I/2026

I. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH KINH TẾ XÃ HỘI NĂM 2025

Với tỉnh Khánh Hòa, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh năm 2025 tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng; hoạt động xúc tiến đầu tư được tích cực triển khai, đơn giản hóa tối đa thủ tục hành chính, thủ tục đầu tư, sản xuất kinh doanh; các giải pháp tăng thu ngân sách nhà nước, sử dụng ngân sách hiệu quả và tiết kiệm được thực hiện có hiệu quả; việc sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy và thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, công tác chuyển đổi số, triển khai mô hình chính quyền điện tử, chính quyền số không giấy được triển khai quyết liệt; đời sống xã hội tiếp tục được quan tâm, các lĩnh vực y tế, văn hóa, giáo dục được chú trọng đầu tư và phát triển... Bên cạnh đó, kinh tế - xã hội vẫn còn nhiều hạn chế, tồn tại như: Một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu không đạt mục tiêu Nghị quyết của HĐND tỉnh như tăng trưởng GRDP chỉ đạt 7,11% (kế hoạch 8,1%), chỉ số IIP tăng 6,16% (KH 7,5%); tiến độ giải ngân vốn đầu tư công và triển khai các dự án đầu tư ngoài ngân sách còn chậm; tình hình thời tiết diễn biến phức tạp, khó lường, dịch bệnh, thiên tai còn tiềm ẩn...



Hình 1: Tốc độ phát triển của các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu năm 2025 so năm trước
(Nguồn: Báo cáo số 573/BC-TKT ngày 31/12/2025 của Thống kê tỉnh Khánh Hòa)

1. Tổng quan tăng trưởng kinh tế trong tỉnh*

Tình hình kinh tế- xã hội tỉnh Khánh Hòa năm 2025 đạt nhiều kết quả quan trọng, cụ thể: Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) ước tăng 7,11%;

Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội tăng 8,97%; Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 15,02%; Doanh thu du lịch tăng 17,27%; Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tăng 13,16%; Tổng thu ngân sách nhà nước tăng 45,6%;...

Năm 2025, GRDP khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản ước tăng 0,83% so cùng kỳ năm trước. Trong đó: Khu vực lâm nghiệp tăng 4,25%; khu vực thủy sản tăng 3,79% nhờ áp dụng hình thức nuôi siêu thâm canh tập trung kỹ thuật công nghệ cao nên sản lượng nuôi trồng thủy sản năm 2025 tăng; Riêng nông nghiệp giảm 3,65% làm giảm tốc độ tăng trưởng chung toàn tỉnh do tình hình thời tiết không thuận lợi, đặc biệt trong cuối tháng 11/2025, tình trạng mưa lớn, gây lũ và ngập úng trên diện rộng đã làm hư hại hoàn toàn diện tích hoa màu vụ Mùa 2025, số lượng gia súc, gia cầm chết do ngập lụt, dẫn đến số lượng đầu con giảm mạnh, một số cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm tại các khu vực không được phép chăn nuôi đã thực hiện ngừng hoạt động.

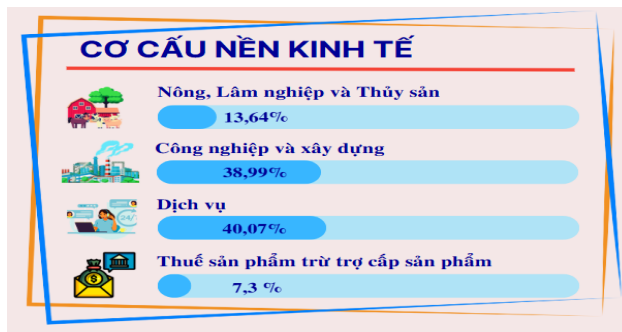
GRDP khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,81% so cùng kỳ năm trước. Trong đó: Ngành công nghiệp tăng 5,9% (ngành chế biến chế tạo tăng 7,54%; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 3,53%); ngành xây dựng tăng 14,83% với nhiều công trình trọng điểm của quốc gia và của tỉnh được khởi công.

Khu vực dịch vụ với cơ cấu chiếm tỷ trọng cao nhất trong GRDP toàn tỉnh tăng 7,81% so cùng kỳ năm trước. Trong khu vực dịch vụ, một số ngành chiếm tỷ trọng lớn có mức tăng trưởng khá góp phần vào mức tăng của tổng giá trị tăng thêm như: Nghệ thuật, vui chơi, giải trí tăng 16,21% nhờ lượng khách du lịch tăng mạnh; vận tải kho bãi tăng 9,53% do nhu cầu đi lại của người dân và khách du lịch tăng; hoạt động dịch vụ khác tăng 9,49%; y tế và hoạt động trợ giúp xã hội tăng 9,17%; giáo dục và đào tạo tăng 8,31%; hoạt động thương mại tăng 8,16%, trong đó bán lẻ tăng 7,17%;...

Năm 2025, hoạt động bán lẻ hàng hóa trên địa bàn tỉnh tiếp tục duy trì xu hướng tăng trưởng tích cực, các doanh nghiệp lữ hành cũng tích cực xây dựng và khai thác các tour du lịch khám phá văn hóa Chăm, tour du lịch văn hóa - cộng đồng, tạo thêm lựa chọn mới mẻ cho du khách đã góp phần đưa tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2025 ước được 198.355,4 tỷ đồng, tăng 15,02% so năm 2024; Doanh thu du lịch ước được 67.044,1 tỷ đồng, tăng 17,27% so năm 2024; Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu toàn tỉnh ước được 3.875 triệu USD tăng 6,88% so năm 2024, cụ thể: kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước được 2.445 triệu USD, tăng 13,16% so năm 2024; kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước được 1.430 triệu USD, giảm 2,38% so năm 2024.

2. Cơ cấu nền kinh tế*

Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (theo giá hiện hành) năm 2025 ước được 209.341,9 tỷ đồng, với cơ cấu nền kinh tế như sau: Ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 13,64%; ngành công nghiệp và xây dựng chiếm 38,99%; ngành dịch vụ chiếm 40,07%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 7,3% (cơ cấu tương ứng của cùng kỳ năm trước là: 14,82%; 38,69%; 39,19%; 7,3%).



Hình 2: Cơ cấu nền kinh tế năm 2025

3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp*

Tính từ ngày 01/01/2025 đến 20/12/2025, toàn tỉnh có 2.801 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, tăng 22,53% so năm 2024, với tổng số vốn đăng ký là 29.361,6 tỷ đồng, giảm 11,26%. Vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới đạt khoảng 10,48 tỷ đồng, giảm 27,57% so năm 2024. Tính đến 20/12/2025, toàn tỉnh có 1.215 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, tăng 31,21% so năm 2024; 2.141 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng hoạt động, giảm 3,56%; 765 doanh nghiệp đã giải thể tăng 53,92%.

(* Nguồn: Báo cáo số 573/BC-TKT ngày 31/12/2025 của Thống kê tỉnh Khánh Hòa)

II. TÌNH HÌNH LAO ĐỘNG - VIỆC LÀM QUÝ IV NĂM 2025

Biến động việc làm theo ngành

Trong Quý IV năm 2025, tình hình biến động việc làm theo ngành trên địa bàn tỉnh có sự tăng, giảm ở một số lĩnh vực, phản ánh hoạt động điều chỉnh lao động của doanh nghiệp theo nhu cầu sản xuất, kinh doanh trong giai đoạn cuối năm 2025.

So với quý trước, lao động tăng ở một số ngành như: Dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 8%; Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản tăng 4,57%; Vận tải kho bãi tăng 3,75%; Nghệ thuật, vui chơi và giải trí tăng 1,63%. Nguyên nhân chủ yếu do doanh nghiệp có nhu cầu tuyển bổ sung lao động nhằm bù đắp số lao động thiếu hụt phát sinh trong quá trình sản xuất, kinh doanh, đặc biệt là các trường hợp người lao động nghỉ việc vì lý do cá nhân. Bên cạnh đó, lao động giảm tại một số ngành như: Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải giảm 1,37%; Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội giảm 1,23%; Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm giảm 0,59%; Xây dựng giảm 0,46%.

Nguyên nhân giảm lao động trong Quý IV năm 2025 tại các doanh nghiệp là: Lao động thỏa thuận xin nghỉ việc vì lý do cá nhân chiếm 80,45%; Thai sản và lý do khác chiếm 10,11%; Doanh nghiệp đơn phương chấm dứt hợp đồng là 7,25%; Lao động nghỉ hưu chiếm 1,52%. Số lao động nghỉ việc tập trung chủ yếu ở các ngành: may mặc; gia công găng tay; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế; chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; xây dựng; y tế; du lịch. Nhìn chung, biến động lao động trong Quý IV năm 2025 diễn ra ở mức hợp lý, phù hợp với tình hình sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và xu hướng điều chỉnh lao động theo mùa vụ.

(Nguồn số liệu: Trung tâm Dịch vụ việc làm thực hiện thu thập, tổng hợp phân tích từ báo cáo biến động lao động của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa)

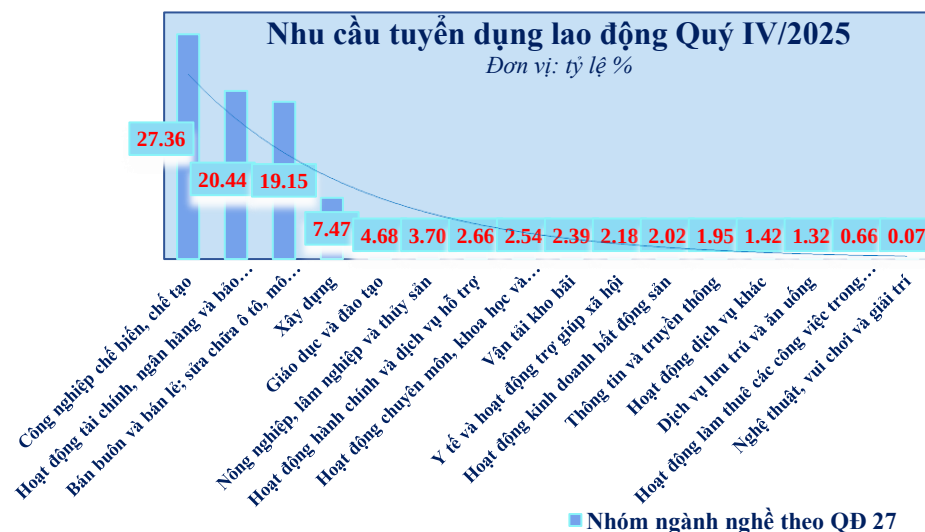
III. XU HƯỚNG TUYỂN DỤNG VÀ TÌM VIỆC LÀM

Trong Quý IV/2025, Trung tâm Dịch vụ việc làm Khánh Hòa đã thực hiện khảo sát, thu thập thông tin cung - cầu lao động trên địa bàn tỉnh thông qua các doanh nghiệp, các kênh thông tin việc làm với 846 lượt doanh nghiệp; nhu cầu tuyển dụng là 1.032 vị trí việc làm với số lượng tuyển dụng 9.657 lao động và 6.842 lao động có nhu cầu tìm việc làm. Tổng hợp phân tích kết quả khảo sát như sau:

1. Nhu cầu tuyển dụng lao động

Các nhóm ngành có nhu cầu tuyển dụng trong Quý IV/2025:

Công nghiệp chế biến, chế tạo có nhu cầu tuyển dụng 2.642 lao động (chiếm 27,36% nhu cầu tuyển dụng trong Quý); Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm có nhu cầu tuyển dụng 1.974 lao động (chiếm 20,44% nhu cầu tuyển dụng trong Quý); Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác có nhu cầu tuyển dụng 1.849 lao động (chiếm 19,15% nhu cầu tuyển dụng trong Quý); Xây dựng có nhu cầu tuyển dụng 721 lao động (chiếm 7,47% nhu cầu tuyển dụng trong Quý); Giáo dục và đào tạo có nhu cầu tuyển dụng 452 lao động (chiếm 4,68% nhu cầu tuyển dụng trong Quý); Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản có nhu cầu tuyển dụng 357 lao động (chiếm 3,70% nhu cầu tuyển dụng trong Quý); Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ có nhu cầu tuyển dụng 257 lao động (chiếm 2,66% nhu cầu tuyển dụng trong Quý); Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ có nhu cầu tuyển dụng 245 lao động (chiếm 2,54% nhu cầu tuyển dụng trong Quý); Vận tải kho bãi có nhu cầu tuyển dụng 231 lao động (chiếm 2,39% nhu cầu tuyển dụng trong Quý); Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội có nhu cầu tuyển dụng 211 lao động (chiếm 2,18% nhu cầu tuyển dụng trong Quý); Hoạt động kinh doanh bất động sản có nhu cầu tuyển dụng 195 lao động (chiếm 2,02% nhu cầu tuyển dụng trong Quý); Các ngành khác có nhu cầu tuyển dụng 523 lao động (chiếm 5,42%).



Hình 3: Nhóm ngành nghề tuyển dụng lao động Quý IV/2025

a) Phân theo trình độ đào tạo:

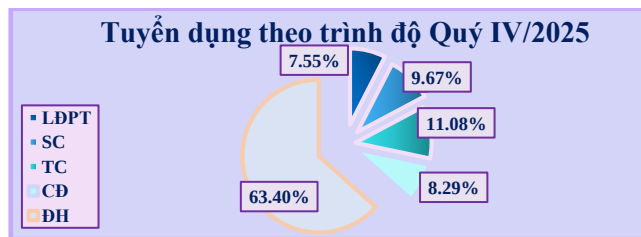
- Lao động phổ thông chiếm 63,40% chủ yếu tuyển dụng các ngành: Công nghiệp chế biến, chế tạo; Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm; Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác; Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản...

- Sơ cấp chiếm 8,29% chủ yếu tuyển dụng các ngành: Công nghiệp chế biến, chế tạo; Giáo dục và đào tạo; Xây dựng...

- Trung cấp chiếm 11,08% chủ yếu tuyển dụng các ngành: Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác; Công nghiệp chế biến, chế tạo; Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội...

- Cao đẳng chiếm 9,67% chủ yếu tuyển dụng các ngành: Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác; Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm; Xây dựng...

- Đại học và Trên đại học chiếm 7,55% chủ yếu ở các ngành: Giáo dục và đào tạo; Xây dựng; Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ...



Hình 4: Nhu cầu tuyển dụng phân theo trình độ Quý IV/2025

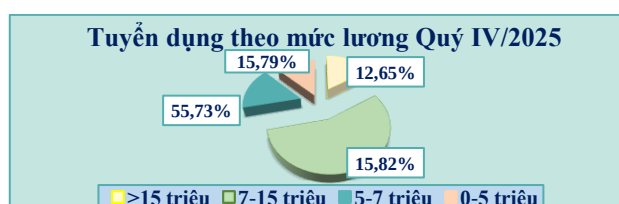
b) Phân theo mức lương:

- Dưới 5 triệu chiếm 12,65% chủ yếu tuyển dụng ở các ngành: Công nghiệp chế biến, chế tạo; Xây dựng; Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác...

- Từ 5 - 7 triệu chiếm 15,82% chủ yếu tuyển dụng ở các ngành: Công nghiệp chế biến, chế tạo; Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác; Vận tải kho bãi...

- Từ 7 - 15 triệu chiếm 55,73% chủ yếu tuyển dụng ở các ngành: Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm; Công nghiệp chế biến, chế tạo; Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác...

- Trên 15 triệu chiếm 15,79% chủ yếu tuyển dụng ở các ngành: Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm; Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác; Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ;...



Hình 5: Nhu cầu tuyển dụng phân theo mức lương Quý IV/2025

c) Phân theo kinh nghiệm:

- Không yêu cầu kinh nghiệm: chiếm 59,40% và có chiều hướng vẫn dẫn đầu liên tục trong các Quý tuyển dụng, chủ yếu tuyển dụng ở các ngành: Công nghiệp chế biến, chế tạo; Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác;...

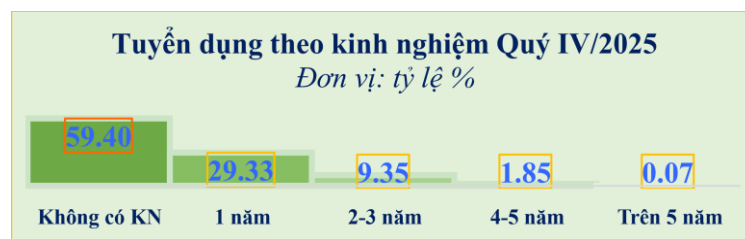
- Yêu cầu kinh nghiệm: chiếm 40,60%. Trong đó:

+ Từ 01 năm chiếm 29,33% chủ yếu tuyển dụng ở các ngành: Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm; Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác; Công nghiệp chế biến, chế tạo...

+ Từ 02 - 03 năm chiếm 9,35% chủ yếu tuyển dụng ở các ngành: Xây dựng; Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác; Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ; Dịch vụ lưu trú và ăn uống...

+ Từ 04 - 05 năm chiếm 1,85% chủ yếu tuyển dụng ở các ngành: Xây dựng; Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm; Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ...

+ Trên 05 năm chiếm 0,07% chủ yếu tuyển dụng ở các ngành: Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ; Dịch vụ lưu trú và ăn uống...



Hình 6: Nhu cầu tuyển dụng phân theo kinh nghiệm Quý IV/2025

*** Nhu cầu tuyển dụng trong Quý IV/2025 so với Quý III/2025:**

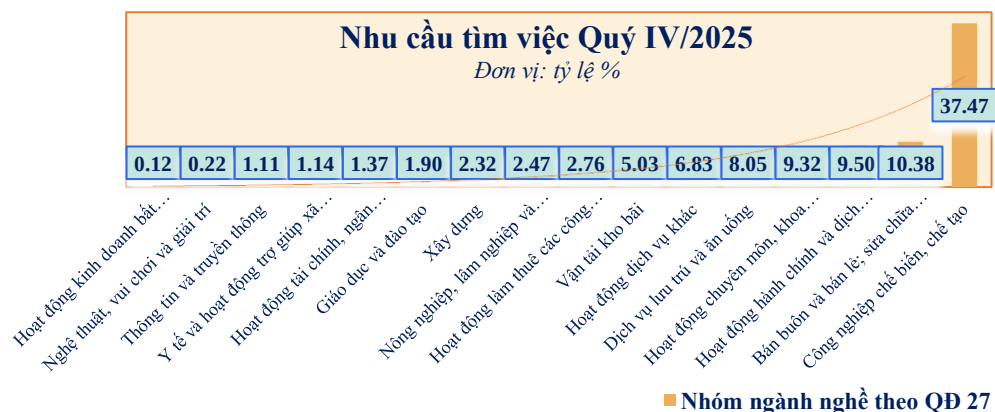
Một số ngành sụt giảm về nhu cầu tuyển dụng lao động so với Quý III/2025 bao gồm: Công nghiệp chế biến, chế tạo (giảm 16,86%); Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác (giảm 5,33%); Vận tải kho bãi (giảm 4,99%). Những ngành nghề tăng nhu cầu tuyển dụng lao động so với Quý III/2025 gồm: Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm (tăng 17,18%); Xây dựng (tăng 5,27%); Giáo dục và đào tạo (tăng 2,98%).



Hình 7: Những ngành nghề tăng/giảm nhu cầu tuyển dụng Quý IV/2025 so với Quý III/2025

2. Nhu cầu tìm việc làm

Qua khảo sát tại Trung tâm Dịch vụ việc làm Khánh Hòa, số lao động có nhu cầu tìm việc Quý IV/2025 là 6.842 người, tập trung chủ yếu ở các nhóm ngành như sau: Công nghiệp chế biến, chế tạo có nhu cầu tìm việc 2.564 lao động (chiếm 37,47% nhu cầu tìm việc trong Quý); Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác có nhu cầu tìm việc 710 lao động (chiếm 10,38% nhu cầu tìm việc trong Quý); Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ có nhu cầu tìm việc 650 lao động (chiếm 9,50% nhu cầu tìm việc trong Quý); Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ có nhu cầu tìm việc 638 lao động (chiếm 9,32% nhu cầu tìm việc trong Quý); Dịch vụ lưu trú và ăn uống có nhu cầu tìm việc 551 lao động (chiếm 8,05% nhu cầu tìm việc trong Quý); Vận tải kho bãi có nhu cầu tìm việc 344 lao động (chiếm 5,03% nhu cầu tìm việc trong Quý); Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình có nhu cầu tìm việc 189 lao động (chiếm 2,76% nhu cầu tìm việc trong Quý); Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản có nhu cầu tìm việc 169 lao động (chiếm 2,47% nhu cầu tìm việc trong Quý); Xây dựng có nhu cầu tìm việc 159 lao động (chiếm 2,32% nhu cầu tìm việc trong Quý); Giáo dục và đào tạo có nhu cầu tìm việc 130 lao động (chiếm 1,90% nhu cầu tìm việc trong Quý); Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm có nhu cầu tìm việc 94 lao động (chiếm 1,37% nhu cầu tìm việc trong Quý); Các ngành khác có nhu cầu tìm việc 644 lao động (chiếm 9,41%).



Hình 8: Nhóm ngành nghề có nhu cầu tìm việc trong Quý IV/2025

a) Về trình độ lao động:

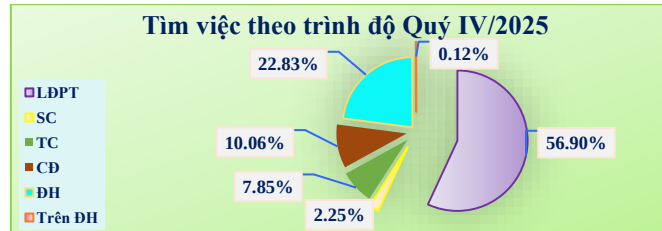
- Trình độ Đại học và trên Đại học chiếm 22,95% chủ yếu ở các nhóm ngành: Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ; Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ; Công nghiệp chế biến, chế tạo...

- Trình độ Cao đẳng chiếm 10,06% chủ yếu ở các nhóm ngành: Công nghiệp chế biến, chế tạo; Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ; Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác...

- Trình độ Trung cấp chiếm 7,85% chủ yếu ở các nhóm ngành: Công nghiệp chế biến, chế tạo; Dịch vụ lưu trú và ăn uống; Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ...

- Trình độ Sơ cấp nghề chiếm 2,25% chủ yếu ở nhóm ngành: Vận tải kho bãi; Công nghiệp chế biến, chế tạo; Dịch vụ lưu trú và ăn uống...

- Lao động phổ thông chiếm 56,90% chủ yếu ở các nhóm ngành: Công nghiệp chế biến, chế tạo; Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác; Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình...



Hình 9: Nhu cầu tìm việc phân theo trình độ đào tạo Quý IV/2025

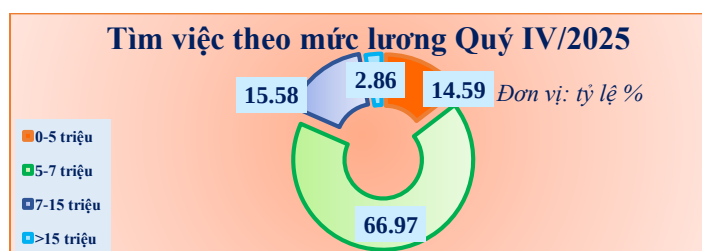
b) Về mức lương:

- Dưới 5 triệu chiếm 14,59% chủ yếu ở các nhóm ngành: Công nghiệp chế biến, chế tạo; Dịch vụ lưu trú và ăn uống...

- Từ 5 triệu đến 7 triệu chiếm 66,97% chủ yếu ở các nhóm ngành: Công nghiệp chế biến, chế tạo; Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác; Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ; Dịch vụ lưu trú và ăn uống; Vận tải kho bãi...

- Từ 7 triệu đến 15 triệu chiếm 15,58% chủ yếu ở các nhóm ngành: Công nghiệp chế biến, chế tạo; Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ; Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ...

- Trên 15 triệu chiếm 2,86% chủ yếu ở các nhóm ngành: Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ; Công nghiệp chế biến, chế tạo; Giáo dục và đào tạo; Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm...



Hình 10: Nhu cầu tìm việc phân theo mức lương Quý IV/2025

c) Về kinh nghiệm:

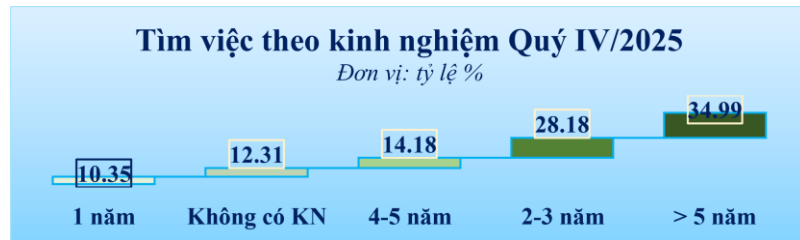
+ Trên 5 năm kinh nghiệm chiếm 34,99% chủ yếu ở các nhóm ngành: Công nghiệp chế biến, chế tạo; Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ; Dịch vụ lưu trú và ăn uống...

+ Từ 4 - 5 năm kinh nghiệm chiếm 14,18% chủ yếu ở nhóm ngành: Công nghiệp chế biến, chế tạo; Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác; Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ; Dịch vụ lưu trú và ăn uống; Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ...

+ Từ 2 - 3 năm kinh nghiệm chiếm 28,18% chủ yếu ở nhóm ngành: Công nghiệp chế biến, chế tạo; Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác; Dịch vụ lưu trú và ăn uống...

+ 1 năm kinh nghiệm chiếm 10,35% chủ yếu ở nhóm ngành: Công nghiệp chế biến, chế tạo; Dịch vụ lưu trú và ăn uống; Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ; Vận tải kho bãi...

+ Không có kinh nghiệm chiếm 12,31% chủ yếu ở nhóm ngành: Công nghiệp chế biến, chế tạo; Dịch vụ lưu trú và ăn uống...



Hình 11: Nhu cầu tìm việc phân theo kinh nghiệm Quý IV/2025

*** Nhu cầu tìm việc trong Quý IV/2025 so với Quý III/2025:**

Nhóm ngành nghề có sự sụt giảm về nhu cầu tìm việc so với Quý III/2025 như: Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác (giảm 5,34%); Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ (giảm 1,87%); Vận tải kho bãi (giảm 1,66%). Các nhóm ngành có nhu cầu tìm việc tăng so với Quý III/2025 gồm: Công nghiệp chế biến, chế tạo (tăng 4,43%); Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ (tăng 1,53%); Xây dựng (tăng 0,29%).

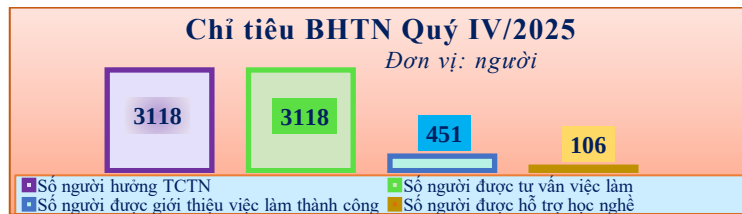


Hình 12: Những ngành nghề tăng/giảm nhu cầu tìm việc Quý IV/2025 so với Quý III/2025

IV. CHÍNH SÁCH THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG

1. Bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) Quý IV/2025:

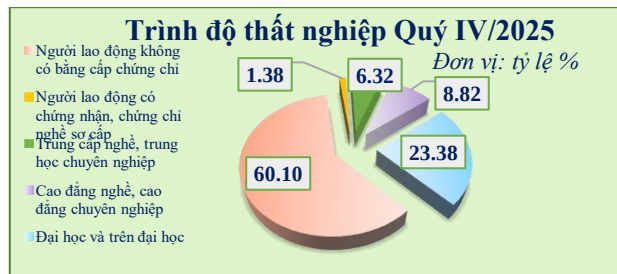
- Số người được hưởng trợ cấp thất nghiệp là 3.118 người;
- Số người được tư vấn việc làm là 3.118 người;
- Số người được giới thiệu việc làm thành công là 451 người;
- Hỗ trợ học nghề cho 106 người.



Hình 13: Kết quả thực hiện công tác BHTN Quý IV/2025

1.1. Cơ cấu người đăng ký hưởng BHTN theo trình độ:

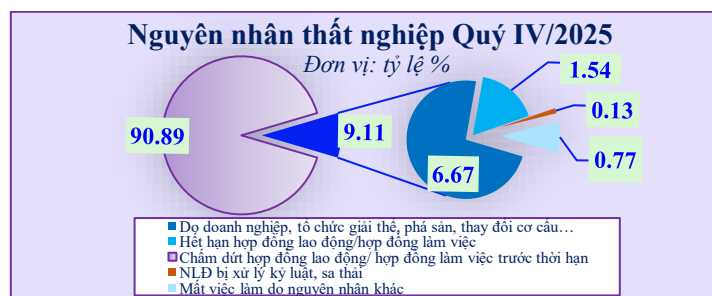
- Người lao động không có bằng cấp, chứng chỉ chiếm 60,10%;
- Người lao động có chứng nhận, chứng chỉ nghề sơ cấp chiếm 1,38%;
- Trung cấp nghề, trung học chuyên nghiệp chiếm 6,32%;
- Cao đẳng nghề, cao đẳng chuyên nghiệp chiếm 8,82%;
- Đại học và trên đại học chiếm 23,38%.



Hình 14: Cơ cấu người lao động hưởng BHTN theo trình độ Quý IV/2025

1.2. Nguyên nhân thất nghiệp:

- Do doanh nghiệp, tổ chức giải thể, phá sản, thay đổi cơ cấu... chiếm 6,67%;
- Hết hạn hợp đồng lao động/hợp đồng làm việc chiếm 1,54%;
- Chấm dứt hợp đồng lao động/ hợp đồng làm việc trước thời hạn chiếm 90,89%;
- NLĐ bị xử lý kỷ luật, sa thải chiếm 0,13%;
- Mất việc làm do nguyên nhân khác chiếm 0,77%.



Hình 15: Nguyên nhân thất nghiệp Quý IV/2025

1.3. Cơ cấu người đăng ký hưởng BHTN theo ngành làm việc:

- Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 4,17%;
- Khai khoáng chiếm 0,42%;
- Công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm 22,03%;

- Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí chiếm 1,31%;
- Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải chiếm 0,29%;
- Xây dựng chiếm 7,92%;
- Bán buôn và bán lẻ; Sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác chiếm 4,49%;
- Vận tải, kho bãi chiếm 3,01%;
- Dịch vụ lưu trú và ăn uống chiếm 12,73%;
- Thông tin truyền thông chiếm 0,90%;
- Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm chiếm 2,60%;
- Hoạt động kinh doanh bất động sản chiếm 0,42%;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ chiếm 0,45%;
- Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ chiếm 0,13%;
- Hoạt động của Đảng Cộng sản, tổ chức chính trị - xã hội, quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng; bảo đảm xã hội bắt buộc chiếm 0,71%;
- Giáo dục và đào tạo chiếm 3,72%;
- Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội chiếm 1,70%;
- Nghệ thuật, vui chơi và giải trí chiếm 0,22%;
- Hoạt động dịch vụ khác chiếm 32,75%;
- Hoạt động của các tổ chức và cơ quan quốc tế chiếm 0,03%.

1.4. Cơ cấu người đăng ký hưởng BHTN theo vị trí làm việc:

- Kế toán chiếm 4,39%;
- Nhân viên bán hàng chiếm 7,06%;
- Tư vấn tài chính, đầu tư chiếm 0,83%;
- Giao dịch viên ngân hàng chiếm 0,55%;
- Phân tích phát triển phần mềm và các ứng dụng chiếm 0,22%;
- Kỹ thuật xây dựng chiếm 1,15%;
- Kỹ thuật viên điện tử chiếm 0,80%;
- Bác sỹ y khoa chiếm 0,19%;
- Giáo viên dạy nghề chiếm 0,51%;
- Lao động trồng trọt và làm vườn chiếm 1,38%;
- Đầu bếp chiếm 1,76%;
- Thợ hàn chiếm 0,29%;

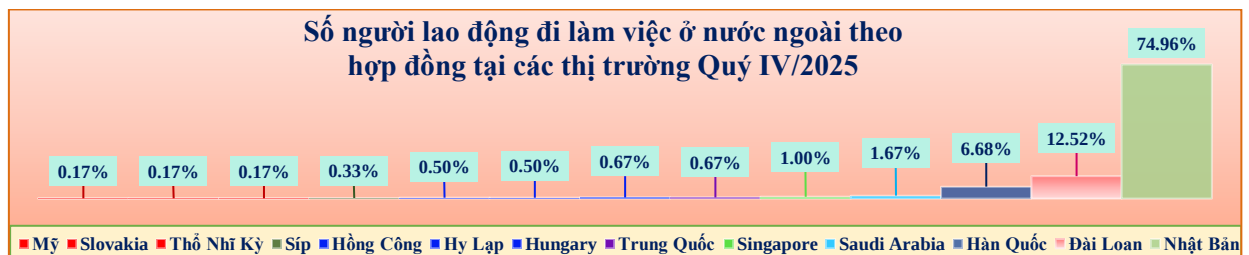
- Thợ may, thuê và các thợ có liên quan chiếm 7,31%;
- Thợ lắp ráp chiếm 1,09%;
- Lái xe khách, xe tải, xe máy chiếm 3,59%;
- Người quét dọn và giúp việc gia đình, khách sạn và văn phòng chiếm 3,05%;
- Nhân viên dịch vụ bảo vệ chiếm 4,43%;
- Người đưa tin, người giao hàng chiếm 1,22%;
- Nghề nghiệp khác chiếm 60,20%.

2. Số người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng:

Tính đến ngày 31/12/2025, số lao động tại Khánh Hòa đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng là 599 người (lao động nữ là 275 người). Trong đó: thị trường Nhật Bản dẫn đầu về số lượng người lao động tham gia là 449 người; Đài Loan là 75 người; Hàn Quốc là 40 người; Saudi Arabia là 10 người; Singapore là 06 người; Trung Quốc, Hungary là 04 người; Hy Lạp, Hồng Kông là 03 người; Síp là 02 người và tương ứng 01 người đối với mỗi thị trường Thổ Nhĩ Kỳ; Slovakia, Mỹ.

Lao động đi làm việc tại nước ngoài theo hợp đồng tập trung một số ngành như: Thợ chế biến thực phẩm và các thợ khác có liên quan (Thợ giết, mổ, chuẩn bị thịt, cá và thực phẩm khác có liên quan, Thợ nướng bánh, thợ làm bánh ngọt và bánh kẹo, Thợ làm sản phẩm từ sữa, Thợ bảo quản rau, hoa quả tươi, Thợ nếm và phân loại đồ uống, thực phẩm, Thợ sản xuất và chuẩn bị thuốc lá) là 106 người chiếm 17,70%; Thợ sản xuất chế tạo (may mặc, in ấn, cơ khí, thợ hàn, thiết bị điện và điện tử, thiết bị điện/linh kiện điện, lắp ráp pin, lắp ráp đồ chơi) là 99 người chiếm 16,53%; Thợ xây dựng khung nhà, công trình và thợ khác có liên quan là 83 người chiếm 13,86%; Lao động trong công nghiệp (Lao động đóng gói thủ công) quan là 70 người chiếm 11,69%; Lao động giản đơn trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản (Lao động trồng trọt, Lao động chăn nuôi, Lao động làm vườn Lao động lâm nghiệp, Lao động nuôi trồng thủy sản) là 59 người chiếm 9,85%; Thợ vận hành máy móc sản xuất là 56 người chiếm 9,35%; Thủy thủ trên tàu và những thợ có liên quan (trừ lao động trên tàu đánh bắt thủy sản) là 34 người chiếm 5,68%; Y tá/Điều dưỡng (cao cấp) và hộ sinh (cao cấp) là 29 người chiếm 4,84%; Người giám sát tòa nhà, quản gia (quản lý công việc gia đình, chăm sóc, bảo vệ tòa nhà, giám sát việc dọn dẹp và vệ sinh trong văn phòng, khách sạn và các cơ quan là 20 người chiếm 3,34%; Các ngành còn lại khác là 43 người chiếm 7,18%.

(Nguồn số liệu: Cục Quản lý Lao động ngoài nước;
<https://dichvucong.moha.gov.vn>)



Hình 16: Tỷ lệ lao động đi làm việc tại nước ngoài tại các thị trường Quý IV/2025

Lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng tiếp tục khẳng định là giải pháp quan trọng trong công tác giải quyết việc làm, góp phần nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống người lao động và thực hiện hiệu quả mục tiêu giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Thực tiễn triển khai cho thấy, đa số người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng có mức thu nhập cao hơn đáng kể so với làm việc trong nước. Sau thời gian làm việc từ 2 đến 3 năm, người lao động không chỉ tích lũy được nguồn vốn nhất định, mà còn được nâng cao trình độ tay nghề, kỹ năng làm việc, ý thức kỷ luật và tác phong công nghiệp. Khi hoàn thành hợp đồng và trở về địa phương, nhiều lao động có điều kiện tiếp cận việc làm phù hợp với thu nhập ổn định; một bộ phận người lao động có kinh nghiệm và năng lực đã chủ động đầu tư, mở rộng sản xuất, kinh doanh, góp phần phát triển kinh tế hộ gia đình và tạo việc làm cho lao động tại chỗ.

Hiện nay, các thị trường lao động truyền thống như Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan tiếp tục duy trì nhu cầu tiếp nhận lao động Việt Nam trong nhiều ngành, nghề, tập trung vào các lĩnh vực: điện tử, chế biến thực phẩm, nhà hàng - khách sạn, xây dựng, nông nghiệp, điều dưỡng/hộ lý, cơ khí, hàn, dệt, may mặc. Đáng chú ý, Chương trình cấp phép việc làm cho lao động nước ngoài của Hàn Quốc (EPS) và Chương trình đào tạo thực tập kỹ thuật tại Nhật Bản (IM Japan) được triển khai theo các thỏa thuận hợp tác song phương, đã và đang tạo điều kiện cho người lao động trên địa bàn tỉnh tham gia thị trường lao động quốc tế theo hướng ổn định, an toàn và bền vững.

V. DỰ BÁO NHU CẦU LAO ĐỘNG QUÝ I/2026

Thị trường lao động trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa tiếp tục duy trì xu hướng phục hồi và tăng trưởng, đặc biệt trong giai đoạn sau Tết Nguyên đán khi các doanh nghiệp tập trung ổn định tổ chức sản xuất, kinh doanh và triển khai kế hoạch, đơn hàng đầu năm. Nhu cầu tuyển dụng lao động dự kiến gia tăng ở các ngành: công nghiệp chế biến, chế tạo; xây dựng; thương mại - dịch vụ; du lịch và vận tải. Nhu cầu lao động phổ thông vẫn chiếm tỷ trọng lớn; đồng thời, nhu cầu tuyển dụng lao động có tay nghề, lao động kỹ thuật và lao động đã qua đào tạo nghề tiếp tục tăng tại một số ngành, nghề trọng điểm. Một số doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng số lượng lớn lao động nhằm bù đắp tình trạng thiếu hụt lao động phát sinh sau kỳ nghỉ Tết Nguyên đán và đáp ứng yêu cầu mở rộng sản xuất, kinh doanh.

Nhìn chung, cung - cầu lao động trong Quý I năm 2026 cơ bản đáp ứng yêu cầu của thị trường; tuy nhiên, tại một số thời điểm và một số ngành, nghề có thể phát sinh tình trạng thiếu hụt lao động cục bộ, nhất là lao động có tay nghề và lao động kỹ thuật. Trước thực tế đó, cần tiếp tục đẩy mạnh công tác kết nối cung - cầu lao động, tăng cường phối hợp với doanh nghiệp trong công tác dự báo nhu cầu nhân lực; Đồng thời triển khai hiệu quả các giải pháp đào tạo nghề gắn với nhu cầu thực tế, hỗ trợ người lao động tiếp cận thông tin việc làm kịp thời, đầy đủ và hiệu quả, góp phần ổn định và phát triển thị trường lao động trên địa bàn tỉnh.

Dự kiến nhu cầu lao động tỉnh Khánh Hòa Quý I/2026 tăng từ 5-10% so với Quý IV/2025, tập trung một số ngành như: Công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm 32,68%; Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác chiếm 17,58%; Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm chiếm 14,84%; Xây dựng chiếm 9%; Giáo dục và đào tạo chiếm 6,20%; Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ chiếm 4,86%; Vận tải kho bãi chiếm 3,10%; Các ngành còn lại khác chiếm 11,74%.

Và tập trung ở một số nghề chủ yếu như: Nhân viên (Xử lý Văn bản, Đánh máy; Nhập dữ liệu Thư ký; Kế toán viên; Nhân viên Văn phòng; Lễ tân; Trực điện thoại; Lưu trữ...) chiếm 37,23%; Thủ công và nghề có liên quan (Xây dựng; Thợ xây; Thợ mộc; Thợ nước; Hàn; Thợ máy; In dệt; Làm bánh; Đan, dệt, may...) chiếm 26,78%; Cán bộ, kỹ thuật viên, chuyên viên bậc cao (Thiết kế phân tích hệ thống máy tính; Lập trình viên; Y tá; Giáo viên; Kế toán; Kiến trúc sư; Kỹ sư; Bác sĩ; Nha sĩ; Dược sĩ; Luật sư; Nhà kinh tế; kinh doanh...) chiếm 18,98%; Cán bộ, kỹ thuật viên, chuyên viên bậc trung (Cơ khí; Vẽ phát thảo; Lắp đặt máy tính; Vận hành máy móc; Trợ giúp y tế; Không lưu; Thợ; Tư vấn du lịch; Bất động sản; Phát thanh viên...) chiếm 5,58%; Lắp máy, vận hành máy, nhà máy (Vận hành xưởng chế biến gỗ; Lái xe...) chiếm 4,40%; Nhân viên làm ngành dịch vụ, bán hàng (Giúp việc; Giúp việc cửa hàng; Bán hàng; Cắt tóc; Trông trẻ; Đầu bếp; Bồi bàn...) chiếm 4,19%; Nông, ngư nghiệp có kỹ năng chiếm 2,28%; Nghề giản đơn (Quét dọn; Thu rác; Bảo vệ; Bảo trì nhà...) chiếm 0,47%; Nhà lập pháp, cán bộ cao cấp, quản lý (Cán bộ cấp cao của Chính phủ; Giám đốc; quản lý tài chính, quản trị; Tổng giám đốc; Giám đốc điều hành; Trưởng thôn, bản...) chiếm 0,10%.

Theo cơ cấu trình độ, dự báo nhu cầu tuyển dụng lao động có trình độ Đại học trở lên chiếm khoảng 9,98%; Cao đẳng 13,91%; Trung cấp 18,67%; Sơ cấp 0,26%; Lao động phổ thông chiếm khoảng 57,19%.

Trên đây là những thông tin được cập nhật tại Trung tâm Dịch vụ việc làm Khánh Hòa về việc tổng hợp, phân tích, đánh giá và dự báo nhằm phục vụ cho định hướng kết nối cung - cầu lao động tại địa phương./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ tỉnh Khánh Hòa;
- Phòng LĐ-VL;
- Lãnh đạo Trung tâm DVVL Khánh Hòa;
- Các Sở, ban ngành tỉnh Khánh Hòa;
- UBND xã, phường;
- Các trường ĐH, CĐ, TC trên địa bàn tỉnh;
- Website thongtinviectlamkhanhhoa.vn;
- Lưu: VT, HCNV, Xuân.

(VBĐT)

GIÁM ĐỐC

Trần Đại Dương